

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.114.412.062	1.191.676.575
Chi phí vật liệu quản lý	75.741.969	33.876.246
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.702.674	13.661.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.228.026	68.743.656
Thuế, phí và lệ phí	43.891.530	14.836.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.827.025	13.661.836
Chi phí bằng tiền khác	2.863.636.466	2.029.861.496
Cộng	5.398.439.752	3.366.317.822

6.27. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Bán thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.782.801.409	-
Thanh lý tài sản cố định	313.636.363	98.999.901
Xử lý đất thừa	531.734.498	257.392.067
Cộng	2.628.172.270	356.391.968

6.28. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.149.355.337	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	411.692.773	56.237.370
Chi phí xử lý vật tư ngành gạch do ngưng sản xuất	322.690.109	-
Chi phí hủy sản phẩm bị lỗi	-	10.881.000
Cộng	1.883.738.219	67.118.370

6.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	62.087.867.564	53.585.385.703
Chi phí nhân công	7.093.553.309	7.493.051.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	782.996.150	619.380.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.819.168.263	17.361.906.631
Chi phí khác bằng tiền	3.616.633.578	3.263.279.772
Cộng	95.400.218.864	82.323.003.628

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP**Báo cáo tài chính**

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.30. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.271.353.826	6.360.472.320
Các khoản điều chỉnh tăng	140.995.785	(170.687.777)
-Chênh lệch tạm thời	19.842.777	(157.877.777)
- Chênh lệch vĩnh viễn	121.153.008	(12.810.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.412.349.611	6.189.784.543
Thu nhập được miễn thuế	3.130.000	-
Thu nhập tính thuế	10.409.219.611	6.189.784.543
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.290.028.314	1.547.446.136
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.290.028.314	1.547.446.136

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính 2014 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6.31.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.985.690.923	4.778.293.073
Số cổ phiếu bình quân lưu hành	2.992.522	1.471.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.669	3.248

7. Thông tin về công cụ tài chính**7.1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.154.127.671	7.107.863.622
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.700.000.000	23.500.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	667.982.761	159.494.350
Phải thu khách hàng	692.830.686	3.073.114.361
Các khoản phải thu khác	241.314.915	229.464.634
Cộng	38.456.256.033	34.069.936.967
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	6.409.218.289	6.962.190.347
Phải trả người lao động	1.053.185.400	1.009.671.100
Chi phí phải trả	302.680.746	232.348.128
Các khoản phải trả khác	20.356.292	81.926.565
Cộng	7.785.440.727	8.286.136.140

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn của Công ty và Công ty dự định bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

7.2. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

7.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty bán hàng theo các phương thức sau: bán hàng thông qua nhà phân phối, bán hàng qua đại lý, trực tiếp bán tại văn phòng Công ty.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên về vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

7.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	6.409.218.289	-	-	6.409.218.289
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người lao động	1.053.185.400	-	-	1.053.185.400
Chi phí phải trả	302.680.746	-	-	302.680.746
Các khoản phải trả khác	20.356.292	-	-	20.356.292
Cộng	7.785.440.727	-	-	7.785.440.727
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	6.962.190.347	-	-	6.962.190.347
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người lao động	1.009.671.100	-	-	1.009.671.100
Chi phí phải trả	232.348.128	-	-	232.348.128
Các khoản phải trả khác	81.926.565	-	-	81.926.565
Cộng	8.286.136.140	-	-	8.286.136.140

7.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2014, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

8. Những thông tin khác**8.1. Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, tiền thưởng	882.603.767	895.704.500
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	394.141.433	199.854.900
Cộng	1.276.745.200	1.095.559.400

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan với Công ty gồm :

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn

